

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 19 – 02 – 2025

V/v Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính

2. Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Yến Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 và ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 190/2022/TLST-DS ngày 14/10/2022 về việc “Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-DS, ngày 10/12/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 25/2024/QĐST-DS, ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1951.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quang N, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: 9 P, Phường A, Quận T, TP .. (Giấy ủy quyền ngày 11/11/2022, có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1948.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Giấy ủy quyền ngày 26/12/2023, có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:*

- Ông Huỳnh Nguyễn Trọng N1, sinh năm 1974. (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Thái H, sinh năm 1981. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Cao T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đinh Quang N trình bày:

Thửa đất mẹ anh là bà Nguyễn Thị M đang tranh chấp với ông Huỳnh Văn T là thửa đất số 616, tờ bản đồ số 11, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 451m² có nguồn gốc do mẹ anh mua từ ông Huỳnh Cao V và bà Nguyễn Thị X. (Ông Huỳnh Cao V là em ruột của bị đơn ông Huỳnh Văn T).

Thửa đất 616, tờ bản đồ số 11, xã A đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 654111 ngày 28/7/2010 đứng tên ông Huỳnh Cao V.

Ngày 06-3-2020, mẹ anh với ông Huỳnh Cao V và bà Nguyễn Thị X có làm giấy cam kết viết tay, sau đó đến Văn phòng C1 để lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Mẹ anh nhận chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất 616, 617, 618 tờ bản đồ số 11, xã A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Cao V có tổng diện tích 1.770m², giá thỏa thuận 1,3 tỷ đã giao đủ tiền cho gia đình ông Huỳnh Cao V. Lý do ghi số tiền chuyển nhượng các thửa đất trên tại Văn phòng C2 50.000.000 đồng để đóng thuế thấp xuống.

Ngày 27/3/2020 mẹ anh được chỉnh lý trang 4 đứng tên chủ sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 654111, ngày 28/7/2010 đối với các thửa đất: 616 diện tích 451m², 617 diện tích 810m² và thửa 618 diện tích 509m².

Sau khi nhận chuyển nhượng, do dịch covid – 19 đang còn nên gia đình anh để gia đình ông V tiếp tục sử dụng đất đến khoảng tháng 9/2020 ông Huỳnh Cao V mất. Nay gia đình anh có nhu cầu lấy lại đất sử dụng thì phát hiện ông Huỳnh Văn T đang chiếm giữ, sử dụng thửa số 616, tờ bản đồ địa chính số 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 451m², trên đất có trồng táo. Sự việc đã qua hòa giải tại chính quyền địa phương nhưng không thành.

Vì vậy mẹ anh là bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Huỳnh Văn T phải trả lại cho mẹ anh thửa đất số 616, tờ bản đồ địa chính số 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 451m². Mẹ anh đồng ý hoàn lại giá trị cây táo cho gia đình ông Huỳnh Văn T.

Ngoài ra mẹ anh không có yêu cầu gì khác.

Biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2022 bị đơn ông Huỳnh Văn T, cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông T là anh Huỳnh Nguyễn Trọng N1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp số 616, tờ bản đồ địa chính số 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận có nguồn gốc do cha anh là Huỳnh Văn T mua lại của em ruột là Huỳnh Cao T1 vào năm 1990, giá tiền mua bao nhiêu cha anh không nhớ (khoảng 1-2 triệu đồng). Việc mua bán hai bên không làm giấy tờ mua bán vì là anh em ruột nên chỉ bằng lời nói, cũng không thông báo chính quyền địa phương biết. Sau khi mua bán xong cha anh có rào lưới B40 toàn bộ thửa đất, canh tác từ năm 1990 cho đến nay.

Hiện nay thửa đất này do anh là con út gia đình cùng với vợ là Nguyễn Thị Thái H đang sống chung với cha anh cho vợ chồng anh mượn canh tác, trồng táo trên thửa đất. Thửa đất này gia đình anh, từ cha anh rồi đến anh canh tác từ năm 1990 đến nay, cũng một phần do không hiểu biết pháp luật nên cha anh không đi kê khai, đăng ký sử dụng đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc ông Huỳnh Cao V kê khai, đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2010, gia đình anh không biết, đến năm 2020 vợ chồng ông V bán cho bà M, bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lúc này gia đình anh mới biết.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M cha anh không đồng ý trả lại đất cho bà M, vì thửa đất này cha anh đã mua của ông Huỳnh Cao T1 từ năm 1990 và sử dụng liên tục công khai từ năm 1990 cho đến nay.

Ngoài ra cha anh không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn anh Huỳnh Nguyễn Trọng N1 và chị Nguyễn Thị Thái H trình bày:

Anh, chị là con trai và con dâu của ông Huỳnh Văn T đang sống chung với ông T. Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp số 616, tờ bản đồ địa chính số 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 451m² có nguồn gốc do ông Huỳnh Văn T mua của ông Huỳnh Cao T1 vào năm 1990 và canh tác đến nay. Do tuổi già nên ông T không còn tiếp tục canh tác thửa đất này, ông đã cho vợ chồng anh chị mượn trồng táo và hưởng thành quả trên đất.

Nay vợ chồng anh cũng không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người làm chứng ông Huỳnh Cao T1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M với ông Huỳnh Văn T, có nguồn gốc do cha mẹ ông khai hoang từ năm 1975 đến năm 1980 cha mẹ ông cho ông thửa đất này diện tích khoảng 500m² (việc cho đất chỉ nói bằng miệng). Ông canh tác đến năm 1990 ông bán cho ông Huỳnh Văn T (là anh ruột của ông) bán với giá bao nhiêu ông không nhớ, việc mua bán chỉ nói miệng, không làm giấy tờ.

Thời gian sử dụng đất ông không đi kê khai đăng ký sử dụng đất, nên không biết

thửa đất số bao nhiêu, tờ bản đồ số mấy. Việc ông Huỳnh Cao V có tên trong sổ mục kê tại UBND xã A, cũng như được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thời gian nào ông cũng không biết.

Nay thửa đất này ông đã bán cho ông T, nên ông không liên quan gì nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước phát biểu thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Huỳnh Văn T phải trả lại thửa đất số 616, tờ bản đồ địa chính số 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 451m² cho bà Nguyễn Thị M.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ bồi thường tài sản trên đất trị giá 17.354.853 đồng cho anh Huỳnh Nguyễn Trọng N1 và chị Nguyễn Thị Thái H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T phải trả lại thửa đất số 616, tờ bản đồ địa chính số 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 451m². Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất*” theo khoản 2, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung khởi kiện: Nguyên đơn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện có nội dung: Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T phải trả lại thửa đất số 616, tờ bản đồ địa chính số 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 451m².

[2.1] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng cũng như tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Nguyễn Thị M đã được chỉnh lý trang IV ngày 27/3/2020 đứng tên chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 654111 ngày 28/7/2010 do UBND huyện N cấp.

Theo nguyên đơn trình bày ngày 06/3/2020 có nhận chuyển nhượng các thửa đất số 616, 617 và 618 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, trong

đó thửa 616 có diện tích 451m² của hộ gia đình ông Huỳnh Cao V và bà Nguyễn Thị X. Sau khi được chỉnh lý đứng tên sử dụng đất bà có cho gia đình ông V tiếp tục canh tác trên đất, đến khoảng tháng 9/2020 bà lấy lại đất thì ông Huỳnh Văn T là anh ông Huỳnh Cao V chiếm giữ và canh tác thửa đất số 616 không trả lại cho bà.

Theo bị đơn trình bày thửa đất số 616, tờ bản đồ địa chính số 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 451m² có nguồn gốc mua của ông Huỳnh Cao T1 vào năm 1990 và canh tác đến nay, việc mua bán chỉ nói bằng miệng, không làm giấy tờ. Hiện thửa đất này ông để cho con trai và con dâu là Huỳnh Nguyễn Trọng N1 và Nguyễn Thị Thái H trực tiếp canh tác. Nên ông không đồng ý trả lại đất cho bà M.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện tại sổ mục kê lưu giữ tại UBND xã A thửa đất số 616 diện tích 451m², thửa số 617 diện tích 810m² và thửa số 618 diện tích 509m², tờ bản đồ số 11 được quy chủ tên người sử dụng đất là ông Huỳnh Cao V từ năm 1996. Năm 2010 hộ ông Huỳnh Cao V được UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 654111, ngày 28/7/2010 đối với các thửa đất nói trên, trong đó có thửa 616 diện tích 451m².

Biên bản hòa giải ngày 07/7/2022 tại UBND xã A, bị đơn ông Huỳnh Văn T cho rằng phần đất thửa 616, tờ bản đồ 11 diện tích 451m² ông nhận hoán đổi từ ông Huỳnh Cao T1 năm 1990, canh tác liên tục từ đó đến nay ông vẫn chưa được Nhà nước cấp sổ đỏ, khi ông tiến hành cấp sổ đỏ thì mới xảy ra tranh chấp, thửa đất này là của ông, ông vẫn sử dụng và canh tác. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết bị đơn ông Huỳnh Văn T cũng như tại phiên tòa người đại diện của ông T lại cho rằng nguồn gốc thửa 616, tờ bản đồ 11 diện tích 451m² do ông T mua của ông Huỳnh Cao T1 vào năm 1990. Như vậy, lời trình bày của bị đơn là bất nhất, không thống nhất về nguồn gốc đất tranh chấp (lúc thì hoán đổi, lúc thì do mua bán).

Mặt khác, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc thửa đất tranh chấp (thửa 616, tờ bản đồ 11) diện tích 451m² do bị đơn mua hoặc do hoán đổi.

Tại phiên tòa người làm chứng ông Huỳnh Cao V cho rằng, nguồn gốc thửa đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh Văn T có nguồn gốc của ông bán lại cho anh ruột là ông Huỳnh Văn T từ năm 1990, giá bao nhiêu ông không nhớ rõ, việc mua bán chỉ nói bằng miệng không làm giấy tờ, tại thời điểm ông sử dụng đất năm 1990, ông chưa được cấp sổ đỏ cũng chưa đăng ký ruộng đất tại UBND xã. Hội đồng xét xử nhận thấy, lời khai của người làm chứng cũng không có căn cứ chứng minh nguồn gốc thửa đất tranh chấp do ông T mua của ông V.

Ngày 06/3/2020 hộ ông Huỳnh Cao V ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị M, được công chứng tại Văn phòng C3 Ngày 27/3/2020 bà Nguyễn Thị M được chỉnh lý trang IV đứng tên chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 654111, trong đó có thửa 616 diện tích 451m², nên bà M có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ sử dụng thửa đất đã được cấp theo quy

định tại Điều 166 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 166 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự quy định: “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.*”

Từ những phân tích và căn cứ như trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Huỳnh Văn T chiếm hữu, sử dụng thửa đất số 616, tờ bản đồ 11 diện tích 451m² tọa lạc tại xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của người sử dụng đất nên cần buộc ông Huỳnh Văn T phải trả lại quyền sử dụng đất thửa số 616, tờ bản đồ 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho bà Nguyễn Thị M là phù hợp.

[2.2] Trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn đồng ý bồi thường toàn bộ tài sản trên đất gồm có 18 cây táo, lưới B40, trụ gỗ cho anh Huỳnh Nguyễn Trọng N1 và chị Nguyễn Thị Thái H theo Biên bản định giá tài sản ngày 31/7/2024, số tiền là 17.354.853 đồng. Buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 17.354.853 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Nguyễn Trọng N1 và chị Nguyễn Thị Thái H.

Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tại phiên tòa. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và trích lục bản đồ địa chính số tiền 3.844.000 đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng. Tại phiên tòa người đại diện cho nguyên đơn đồng ý chịu chi phí tố tụng, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị đơn Huỳnh Văn T mặc dù là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn tiền án phí, nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ bồi thường, cụ thể: 17.354.853 đồng x 5% = 868.000 đồng. Tuy nhiên do bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, nên bà M được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

1. Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T phải giao trả lại thửa đất số 616, tờ bản đồ số 11 diện tích 451m² xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho bà Nguyễn Thị M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 654111, ngày 28/7/2010 do UBND huyện N cấp đã được chỉnh lý trang IV đứng tên chủ sử dụng đất bà Nguyễn Thị M.

2. Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 17.354.853 đồng (*Mười bảy triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, tám trăm năm mươi ba đồng*) cho anh Huỳnh Nguyễn Trọng N1 và chị Nguyễn Thị Thái H.

3. Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Nguyễn Trọng N1 và chị Nguyễn Thị Thái H có nghĩa vụ giao các tài sản trên thửa đất số 161, tờ bản đồ số 11 xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận gồm: 18 cây táo, lưới B40, trụ gỗ và các tài sản khác trên đất cho bà Nguyễn Thị M.

4. Về án phí:

Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị M về bồi thường do là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/02/2025).

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND Ninh Phước;
- Chi cục THADS Ninh Phước;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mai Thị Huyền Trang Lê Thị H1

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Vũ Văn C

